

ĐÁNH GIÁ NGUỒN GEN CÂY MỘT SỐ CÂY NGUYÊN LIỆU DẦU

LÊ CÔNG NÔNG, THÁI NGUYỄN QUỲNH THƯ, NGÔ THỊ THANH TRÚC, TRẦN THỊ PHƯƠNG NHUNG,
PHẠM PHÚ THỊNH, NGUYỄN ĐOÀN HỮU TRÍ, NGUYỄN THỊ ÚT, TRẦN NGỌC THÔNG

TÓM TẮT:

Tính đến hết năm 2022, Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu thu thập, đánh giá và bảo tồn 518 nguồn gen cây nguyên liệu dầu, trong đó gồm có 51 mẫu giống cây dừa, 3 mẫu giống cây phi long, 86 mẫu giống cây jatrophha, 177 mẫu giống lạc, 91 mẫu giống vừng, 110 mẫu giống đậu tương. Các nguồn gen cây có dầu dài ngày (dừa, phi long, jatrophha) đang bảo quản trên đồng ruộng tại Trung tâm Dừa Đồng Gò (Bến Tre) và Trung tâm Sản xuất Giống Trảng Bàng (Tây Ninh). Các nguồn gen cây có dầu ngắn ngày (lạc, vừng, đậu tương) đang bảo quản trong kho lạnh trung hạn tại Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu. Một số nguồn gen đã được đưa vào khai thác và phục vụ hiệu quả trong sản xuất.

Từ khóa: nguồn gen, cây có dầu

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tài nguyên di truyền thực vật có vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp vật liệu ban đầu để lai tạo ra giống mới và là hạt nhân của đa dạng sinh học nên giữ vai trò rất quan trọng trong chiến lược phát triển nông nghiệp của mỗi quốc gia. Thực tế cho thấy quốc gia nào sở hữu nguồn tài nguyên di truyền sinh vật nói chung và nguồn tài nguyên thực vật nói riêng càng đa dạng và phong phú sẽ đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong công tác chọn tạo giống mới phục vụ phát triển kinh tế đất nước [3].

Vì vậy, việc bảo tồn, thu thập, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn gen cây có dầu là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần làm đa dạng nguồn gen, bổ sung nguồn vật liệu khởi đầu cho công tác chọn tạo giống các cây nguyên liệu dầu phục vụ cho sản xuất.

II. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đánh giá nguồn gen cây nguyên liệu dầu

- Đánh giá sơ bộ và chi tiết các nguồn gen được thực theo Quyết định số 9796/QĐ-BCT ngày 20/12/2013 của Bộ Công Thương, bao gồm các chỉ tiêu về thời gian sinh trưởng, thân, lá, hoa, quả, hạt, các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất, chất lượng, sâu bệnh hại, tính kháng hạn, đổ ngã; ... [1].

- Cây có dầu dài ngày trồng mỗi giống 5-15 cây; cây có dầu ngắn ngày, mỗi giống trồng 1m², không lặp lại.

- Thực hiện chăm sóc theo quy trình canh tác của Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu.

2.2. Bảo tồn nguồn gen cây nguyên liệu dầu

- Đối với cây có dầu dài ngày: Thực hiện bảo tồn an toàn theo đúng đặc tính sinh học của 51 mẫu giống cây dừa, 3 mẫu giống cây phi long, 86 mẫu giống cây jatrophha theo phương pháp lưu giữ trên đồng ruộng tại Trung tâm Dừa Đồng Gò (Bến Tre) và Trung tâm Sản xuất giống Trảng Bàng (Tây Ninh). Mỗi giống bảo tồn 5-15 cây và chăm sóc theo quy trình canh tác của Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu [2].

- Đối với cây có dầu ngắn ngày: Thực hiện lưu giữ an toàn bằng phương pháp bảo quản hạt trung hạn của 177 mẫu giống lạc, 91 mẫu giống vừng, 110 mẫu giống đậu tương trong kho lạnh 10°C tại Trung tâm Sản xuất giống Trảng Bàng, Tây Ninh. Mỗi mẫu giống được bảo quản trong túi zip bạc có 2 mặt bạc, cấu trúc vật liệu túi: PET/AL/PE chống thấm khí, chống thấm ẩm rất tốt. Đối với cây lạc và đậu tương khối lượng lưu giữ mỗi mẫu giống là 200g hạt, đối với cây vừng khối lượng lưu giữ mỗi mẫu giống là 100g. Các giống lưu trữ được đảm bảo tỷ lệ nảy mầm tối thiểu $\geq 70\%$ [2].

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá nguồn gen cây có dầu dài ngày

Trải qua hơn 40 năm nghiên cứu và thu thập giống, Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu đang bảo tồn an toàn 51 mẫu giống cây dừa ở các địa phương trong cả nước và quốc tế, đây là tập đoàn nguồn gen cây dừa lớn nhất trong cả nước. Hiện nay, các giống dừa đang sinh trưởng và phát triển tốt tại Trung tâm Dừa Đồng Gò (Bến Tre), năng suất trung bình của các giống 60-120 quả/cây/năm, riêng các giống dừa Éo đạt trên 150 quả/cây/năm. Các mẫu giống dừa có biểu hiện lão hóa, năng suất giảm hiện đang được thu hoạch quả giống theo quy trình nghiêm ngặt để chuẩn bị cây giống trồng mới vườn quỹ gen. Một số nguồn gen cây dừa đang được khai thác có hiệu quả và đã được công nhận giống phục vụ sản xuất, như giống dừa Ta, Dâu, Xiêm, Éo, Dứa, Sáp. Một số nguồn gen nhập nội như Cao Hijo, Cao Tây Phi, Lùn vàng Mã Lai, Lùn đỏ Mã Lai, ... đã được sử dụng làm vật liệu lai tạo giống mới và tạo ra các giống dừa lai có năng suất và hàm lượng dầu cao, như PB121, JVA1, JVA2, ...

Ngoài ra, tại Trung tâm Sản xuất giống Trảng Bàng (Tây Ninh) đang bảo tồn 3 mẫu giống cây phi long gồm 54 cá thể và 86 mẫu giống cây jatrophha. Các mẫu giống đang sinh trưởng và phát triển tốt, sẵn sàng cung cấp nguồn gen phục vụ cho công tác nghiên cứu chọn tạo giống mới.

3.2. Đánh giá nguồn gen cây có dầu ngắn ngày

Bảng 1: Bảng phân nhóm một số chỉ tiêu chính của tập đoàn 51 mẫu giống dưa

Chỉ tiêu	Biến động	Số giống
Thời gian ra hoa (năm)	<3	15
	3-5	23
	> 5	13
NĂng suất giai đoạn quả ổn định (quả/cây/năm)	<80	17
	80-150	29
	> 150	5
Hàm lượng dầu (%)	< 58	19
	58 - 65	27
	> 65	5

Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu đã thực hiện lưu giữ an toàn 177 mẫu giống lạc, 91 mẫu giống vùng, 110 mẫu giống đậu tương trong kho lạnh 10°C tại Trung tâm Sản xuất giống Trảng Bàng, Tây Ninh. Trong quá trình kiểm

tra tỷ lệ này mầm, có 7 giống lạc, 4 giống vùng và 11 giống đậu tương có tỷ lệ này mầm thấp (< 70%) nên đã được trồng lại để trẻ hóa nguồn gen và tăng tỷ lệ này mầm. Sau khi được tái nhân ngoài đồng các giống lạc, vùng và đậu tương có các chỉ tiêu nông sinh học đạt $\geq 98\%$ so với chỉ tiêu nguyên trạng ban đầu, tỷ lệ này mầm > 95% và tiếp tục được bảo quản trong kho lạnh 10°C.

3.2.1. Đánh giá nguồn gen cây lạc

Trong quá trình đánh giá, nhiệm vụ đã thực hiện tổng hợp các chỉ tiêu chính của cây lạc. Bảng 2 trình bày các chỉ tiêu chính của 177 mẫu giống lạc phân theo một số chỉ tiêu chính:

+ Thời gian sinh trưởng (ngày): giống có thời gian sinh trưởng trung bình từ 91 - 100 ngày (93 giống) và thời gian sinh trưởng ngắn từ 80 - 90 ngày (49 giống).

+ Khối lượng 100 hạt (g): là chỉ tiêu quan trọng cấu thành năng suất cây lạc, được phân theo 3 mức khối lượng 100 hạt < 40g (47 giống), từ 40 - 50g (108 giống) và trên 50g (22 giống).

+ Năng suất (tấn/ha): 177 giống lạc được lưu trữ dữ liệu đều có năng suất trên 2,0 tấn/ha, trong đó 135 giống lạc

Bảng 2: Bảng phân nhóm một số chỉ tiêu chính của tập đoàn 177 mẫu giống lạc

Chỉ tiêu	Biến động	Số giống	Số thứ tự mẫu giống
Khối lượng 100 hạt (g)	< 40	47	7; 8; 19; 23; 25; 26; 27; 41; 42; 43; 44; 45; 46; 47; 49; 55; 56; 60; 62; 63; 64; 67; 68; 69; 70; 71; 72; 73; 74; 75; 76; 79; 80; 81; 83; 84; 85; 93; 95; 96; 97; 98; 101; 102; 168; 169; 170
	40 - 50	108	1; 2; 3; 5; 6; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 21; 24; 29; 30; 32; 34; 35; 36; 37; 40; 51; 57; 58; 61; 66; 77; 78; 82; 86; 87; 88; 89; 90; 91; 92; 94; 99; 100; 103; 104; 105; 107; 108; 109; 110; 112; 113; 114; 115; 116; 117; 118; 119; 120; 121; 122; 123; 124; 125; 126; 127; 128; 129; 130; 131; 132; 133; 134; 135; 136; 137; 138; 139; 140; 141; 142; 143; 144; 145; 146; 147; 149; 150; 151; 152; 153; 154; 155; 156; 157; 158; 159; 160; 161; 166; 167; 171; 172; 173; 174; 175; 176; 177
	> 50	22	4; 20; 22; 28; 31; 33; 38; 39; 48; 50; 52; 53; 54; 59; 65; 106; 111; 148; 162; 163; 164; 165
Năng suất (tấn/ha)	2,0 - 3,0	135	9; 14; 15; 16; 17; 18; 19; 20; 22; 23; 24; 25; 26; 27; 28; 29; 30; 31; 32; 33; 34; 35; 36; 37; 38; 39; 40; 41; 42; 43; 44; 45; 46; 47; 48; 49; 50; 51; 52; 53; 54; 55; 56; 57; 58; 59; 60; 61; 62; 63; 64; 65; 66; 67; 68; 69; 70; 71; 72; 73; 74; 75; 76; 77; 78; 82; 83; 84; 85; 86; 87; 88; 89; 90; 91; 92; 93; 94; 95; 96; 97; 98; 99; 100; 101; 102; 103; 104; 105; 106; 107; 108; 110; 111; 112; 113; 114; 115; 116; 117; 118; 119; 120; 121; 122; 123; 124; 125; 126; 127; 128; 129; 130; 135; 136; 137; 138; 139; 140; 141; 142; 143; 144; 145; 150; 151; 152; 153; 154; 155; 160; 161; 162; 166; 167
	> 3,0	42	1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 10; 11; 12; 13; 21; 79; 80; 81; 109; 131; 132; 133; 134; 146; 147; 148; 149; 156; 157; 158; 159; 163; 164; 165; 168; 169; 170; 171; 172; 173; 174; 175; 176; 177
Hàm lượng dầu (%)	< 40	9	49; 51; 53; 54; 61; 68; 71; 72; 73
	40 - 45	26	1; 52; 55; 60; 62; 67; 69; 70; 74; 75; 76; 105; 114; 121; 124; 126; 127; 135; 146; 148; 156; 158; 165; 166; 167; 169
	46 - 50	127	2; 9; 13; 14; 15; 16; 48; 50; 56; 58; 63; 64; 93; 94; 103; 104; 106; 107; 108; 109; 110; 111; 112; 113; 115; 116; 117; 118; 119; 120; 122; 123; 125; 131; 132; 133; 134; 136; 137; 138; 139; 140; 141; 142; 143; 144; 145; 147; 149; 150; 151; 152; 153; 154; 155; 157; 159; 160; 161; 162; 163; 164; 168; 173; 174; 176;...
	> 50	15	6; 7; 8; 10; 11; 12; 21; 57; 59; 65; 66; 170; 171; 172; 175

Bảng 3: Một số giống lạc ưu tú trong quá trình bảo tồn và lưu giữ

STT	Tên giống	TGST (ngày)	Năng suất quả khô (tấn/ha)	Hàm lượng dầu (%)	Tính kháng hạn	Tính đổ ngã
1	ĐP7	84	3,4	50,7	Cao	Cao
2	ĐP8	84	3,6	50,6	Cao	Cao
3	VD 01-1	85-90	3,7	48,0 - 49,0	Thấp	Cao
4	VD 01-2	85-90	3,8	48,0 - 49,0	Thấp	Cao
5	VD1	85-90	3,5-4,0	49,0 - 52,0	Thấp	Cao
6	VD2	85-90	3,5-4,0	50,0 - 54,0	Thấp	Cao
7	VD5	90	3,3-3,5	46,0 - 48,0	Thấp	Cao
8	VD8	85-90	3,7	48,0 - 53,9	Thấp	Cao
9	VD9	90	3,6	52,6	Cao	Cao
10	VG2	90	4,2	51,1	Cao	Cao
11	VG3	90	3,0	49,58	Thấp	Cao

có năng suất từ 2,0 - 3,0 tấn và 42 giống lạc có năng suất trên 3,0 tấn.

+ Hàm lượng dầu (%): các giống được lưu trữ chủ yếu có hàm lượng dầu trên 40%, trong đó giống có hàm lượng dầu trung bình từ 46 - 50% đạt hơn một nửa số giống lưu trữ (127 giống) và 15 giống có hàm lượng dầu ở mức cao (trên 50%).

Trong 177 mẫu giống lạc đang bảo tồn, một số mẫu giống có tiềm năng tốt như: thời gian sinh trưởng ngắn (ĐP7, ĐP8), năng suất cao (VG2, ĐP7, ĐP8, VD 01-1, VD 01-2, VD1, VD2, VD5, VD8, VD9, VG3), hàm lượng dầu cao (ĐP7, ĐP8, VD2, VD9, VG2), đồng thời ít nhiễm bệnh đốm đen, rỉ sắt, thối đen cổ rễ, kháng hạn và kháng đổ ngã (Bảng 3). Các giống này đang được lưu giữ tốt, sẵn sàng phục vụ cho công tác chọn tạo giống và các nghiên cứu cây lạc trong tương lai tùy theo mục đích nghiên cứu.

3.2.2. Đánh giá nguồn gen cây vùng

Nhiệm vụ đã thực hiện tổng hợp và theo dõi bổ sung các chỉ tiêu chính của cây lạc (thời gian sinh trưởng, khối lượng 1000 hạt, năng suất và hàm lượng dầu) (Bảng 4).

+ Thời gian sinh trưởng (ngày): Trong 91 giống vùng

đang lưu trữ, thời gian sinh trưởng tập trung ở khoảng trung bình 70 – 80 ngày là chủ yếu (55 giống), các giống này được thu thập nhập nội từ Hàn Quốc (10 giống), Trung Quốc (13 giống) và một số tỉnh tại Việt Nam như Bình Thuận, Đồng Tháp, Quảng Nam.

+ Khối lượng 1000 hạt (g): Trong tập đoàn giống vùng đang lưu giữ có 16 giống vùng khối lượng nhỏ hơn 2,5g, chủ yếu là các giống được thu thập tại Hàn Quốc; 38 giống vùng có khối lượng 1000 hạt từ 2,5 - 3,0g; 37 giống vùng có khối lượng 1000 hạt trên 3,0g.

+ Năng suất (tấn/ha): các giống có năng suất từ 1,0 - 1,6 tấn/ha chiếm chủ yếu (32 giống); 02 giống có năng suất trên 1,6 tấn/ha.

+ Hàm lượng dầu (%): có 60 giống có hàm lượng dầu đạt mức trung bình (40 - 50%) và 31 giống có hàm lượng dầu cao trên 50%.

Trong 91 mẫu giống vùng đang được bảo tồn và lưu giữ, có 12 mẫu giống vùng có tiềm năng tốt về thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, hàm lượng dầu cao, có khả năng kháng hạn và kháng đổ ngã ở mức khá tới cao (Bảng 5).

Bảng 4: Bảng phân nhóm một số chỉ tiêu chính của tập đoàn 91 mẫu giống vùng

Chỉ tiêu	Biến động	Số giống	Số thứ tự mẫu giống
Khối lượng 1000 hạt (g)	< 2,5	16	6; 9; 12; 16; 19; 20; 21; 22; 45; 52; 54; 55; 57; 59; 72; 75
	2,5 - 3,0	38	1; 2; 5; 7; 8; 9; 10; 11; 13; 14; 15; 17; 18; 24; 26; 27; 30; 31; 32; 34; 33; 38; 39; 42; 44; 46; 47; 48; 50; 56; 58; 62; 70; 74; 78; 80; 82; 83
	> 3,0	37	3; 4; 23; 25; 28; 29; 35; 36; 37; 40; 41; 43; 49; 51; 53; 60; 61; 63; 64; 65; 66; 67; 68; 69; 71; 73; 76; 77; 79; 81; 84; 85; 86; 87; 88; 89; 90; 91
Năng suất (tấn/ha)	< 1,0	57	7; 12; 15; 16; 17; 18; 19; 20; 21; 22; 23; 24; 26; 27; 29; 30; 32; 37; 38; 39; 40; 42; 44; 45; 46; 48; 49; 50; 51; 52; 53; 54; 55; 56; 57; 58; 59; 60; 61; 62; 63; 64; 65; 66; 67; 68; 69; 71; 72; 73; 76; 77; 79; 80; 82; 88; 90
	1,0 - 1,6	32	1; 2; 3; 4; 5; 6; 8; 9; 10; 11; 13; 25; 28; 31; 33; 34; 35; 36; 41; 43; 47; 74; 75; 78; 81; 83; 84; 85; 86; 87; 89; 91
	> 1,6	2	14; 70
Hàm lượng dầu (%)	40 - 50	60	1; 4; 7; 8; 10; 11; 18; 25; 47; 70; 84; 86; 87; 88; 89; 91
	> 50	31	2; 5; 14; 15; 35; 71; 72; 73; 74; 75; 76; 77; 78; 79; 80; 81; 82; 83; 85

Bảng 5: Một số giống vùng ưu tú trong quá trình bảo tồn và lưu giữ

STT	Tên mẫu giống	TGST (ngày)	Năng suất thực thu (tấn/ha)	Hàm lượng dầu (%)	Tính kháng hạn	Tính đổ ngã
1	Trung Chi 19	71	1,43	56,80	Khá	Khá
2	SOSE 1102	75	1,38	56,40	Tốt	Tốt
3	SOSE 1101	75	1,41	55,70	Tốt	Tốt
4	VDM 08-9	78	1,35	52,30	Tốt	Tốt
5	SE 175	75	1,24	50,68	Khá	Khá
6	Đen cao sản	85	1,32	50,40	Tốt	Tốt
7	VDM 08-15	83	1,59	48,40	Khá	Khá
8	VDM 163	78	1,67	47,50	Tốt	Tốt
9	TQ 10	76	1,62	47,30	Khá	Khá
10	HQ 4	72	1,53	47,20	TB	Khá
11	VS1	80	1,04	45,83	Cao	Tốt
12	VS2	80	1,10	48,57	Cao	Tốt

3.2.3. Đánh giá nguồn gen cây đậu tương

Bảng 6 tổng hợp một số chỉ tiêu quan trọng của 110 mẫu giống đậu tương đang lưu giữ.

+ Thời gian sinh trưởng (ngày): Trong 110 giống đậu tương đang lưu trữ, thời gian sinh trưởng tập trung ở khoảng trung bình 80 - 90 ngày là chủ yếu (88 giống).

+ Khối lượng 1000 hạt (g): được chia làm 3 mức biến động < 130g, từ 130 - 150g và trên 150g. Trong tập đoàn giống đậu tương đang lưu giữ có 14 giống đậu tương có khối lượng 1000 hạt <130g và chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ; 85 giống có khối lượng 1000 hạt từ 130 - 150g; 11 giống có khối lượng 1000 hạt trên 150g.

+ Năng suất (tấn/ha): giống có năng suất từ 1,5 - 2,0 tấn/ha chiếm chủ yếu (65 giống); 30 giống có năng suất thấp hơn 1,5 tấn/ha và 15 giống có năng suất trên 2,0 tấn/ha.

+ Hàm lượng dầu (%): 38 giống có hàm lượng dầu trung bình từ 16,93% - 20,0% và 72 giống đậu tương có hàm lượng dầu cao trên 20%.

Trong quá trình bảo tồn và lưu giữ 110 mẫu giống đậu tương đã phát hiện một số mẫu giống có tiềm năng tốt như có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, hàm lượng dầu cao, khả năng kháng hạn và kháng đổ ngã khá (Bảng 7).

Bảng 6: Bảng phân nhóm một số chỉ tiêu chính của tập đoàn 110 mẫu giống đậu tương

Chỉ tiêu	Biến động	Số giống	Số thứ tự mẫu giống
Khối lượng 1000 hạt (g)	< 130	14	4; 8; 9; 12; 15; 16; 19; 21; 24; 38; 103; 104; 105; 106
	130 - 150	85	1; 2; 3; 5; 7; 10; 11; 13; 14; 17; 18; 20; 22; 23; 25; 26; 27; 28; 29; 30; 31; 32; 33; 34; 35; 36; 37; 39; 40; 41; 42; 43; 45; 46; 47; 48; 49; 50; 51; 52; 53; 54; 55; 56; 57; 58; 59; 60; 61; 62; 63; 64; 65; 66; 69; 71; 72; 73; 74; 75; 76; 77; 79; 80; 81; 82; 83; 84; 85; 86; 87; 88; 89; 90; 91; 92; 93; 94; 95; 96; 99; 100; 101; 108
	> 150	11	6; 44; 67; 68; 70; 78; 97; 98; 102; 107; 109; 110
Năng suất (tấn/ha)	< 1,5	30	3; 4; 5; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 19; 20; 22; 24; 26; 30; 34; 40; 42; 43; 51; 52; 57; 58; 60; 61; 72; 74; 91; 101
	1,5 - 2,0	65	1; 2; 6; 18; 21; 23; 27; 28; 29; 31; 32; 33; 35; 36; 37; 38; 39; 44; 45; 47; 48; 49; 50; 54; 55; 56; 62; 63; 64; 65; 66; 68; 69; 71; 73; 75; 76; 77; 78; 79; 80; 81; 82; 83; 84; 85; 86; 87; 88; 89; 90; 92; 93; 94; 95; 96; 97; 98; 99; 100; 103; 104; 108
	> 2,0	15	16; 17; 25; 41; 46; 53; 59; 67; 70; 102; 105; 106; 107; 109; 110;
Hàm lượng dầu (%)	< 20	38	5; 7; 8; 11; 13; 17; 18; 19; 21; 22; 24; 29; 30; 36; 43; 52; 56; 57; 60; 61; 64; 71; 73; 81; 82; 84; 91; 92; 93; 94; 96; 97; 99; 103; 104; 105; 106; 107
	> 20	72	1; 2; 9; 16; 20; 25; 27; 28; 32; 34; 35; 37; 39; 40; 41; 42; 44; 45; 46; 47; 48; 49; 50; 51; 53; 54; 55; 59; 62; 63; 65; 66; 67; 68; 69; 70; 72; 74; 75; 76; 77; 80; 83; 85; 86; 87; 88; 89; 90; 95; 98; 100; 101; 102; 108; 109; 110

Bảng 7: Một số giống đậu tương ưu tú trong quá trình bảo tồn và lưu giữ

STT	Tên giống	TGST (ngày)	Năng suất thực thu (tấn/ha)	Hàm lượng dầu (%)	Tính kháng hạn	Độ tách hạt
1	ĐTM 56	90	1,90	22,1	Cao	Ít
2	HL 2003	90	1,90	22,3	Cao	Ít
3	VDN 1	90	2,10	21,4	Cao	Ít
4	VDN 3	90	2,10	23,0	Cao	Ít
5	VSO1	88	1,97	17,8	Khá	Ít
6	TĐ 19	90	2,17	21,1	Cao	Ít
7	ĐT 96	88	1,90	20,8	Cao	Ít
8	BC 19M	84	2,08	22,3	Cao	Ít
9	VSO2	90	2,77	21,5	TB	Ít
10	HL 07-2	87	2,19	22,8	Cao	Ít

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Nhiệm vụ đang thực hiện bảo tồn an toàn cho 51 mẫu giống cây dừa, 3 mẫu giống cây phi long, 86 mẫu giống cây jatrophha, 177 mẫu giống lạc, 91 mẫu giống vừng, 110 mẫu giống đậu tương. Các mẫu giống có chất lượng tốt, sẵn sàng cung cấp nguồn gen phục vụ cho công tác

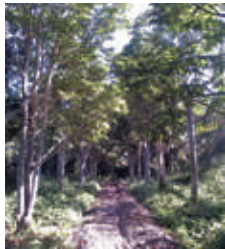
nghiên cứu chọn tạo giống mới.

4.2. Kiến nghị

Cần tiếp tục công tác thu thập, đánh giá và lưu giữ nguồn gen cây nguyên liệu dầu (dừa, phi long, jatrophha, lạc, vừng và đậu tương) nhằm cung cấp nguồn gen phục vụ công tác chọn tạo giống mới và khai thác phát triển các nguồn gen tốt vào sản xuất❖



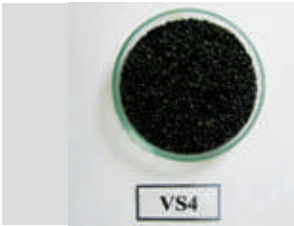
Vườn tập đoàn giống dừa đang bảo tồn tại Trung tâm Dừa Đồng Gò, Bến Tre



Vườn tập đoàn giống phi long



Vườn tập đoàn giống jatrophha



Bảo tồn tại Trung tâm Sản xuất Giống Trảng Bàng, Tây Ninh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Công Nông, Thái Nguyễn Quỳnh Thư, Ngô Thị Thanh Trúc, Trần Thị Phương Nhung, Nguyễn Thị Út, Phạm Phú Thịnh, 2022. Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen cây nguyên liệu dầu và cây tinh dầu. Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu.
2. Thái Nguyễn Quỳnh Thư, Trần Thị Phương Nhung, Nguyễn Thị Út Phạm Phú Thịnh, Nguyễn Đoàn Hữu Trí, 2022. Thu thập, đánh giá nguồn gen cây nguyên liệu dầu. Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu.
3. Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2015. Kết quả bảo tồn, khai thác nguồn gen thực vật nông nghiệp giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng giai đoạn 2015-2020. Hội nghị tổng kết Kết quả Bảo tồn tài nguyên thực vật giai đoạn 2010-2014 và tăng cường hiểu biết Hiệp ước Quốc tế về tài nguyên di truyền thực vật phục vụ mục tiêu lương thực và nông nghiệp.

Ngày nhận bài: 19/12/2022; Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/01/2023; Ngày chấp nhận đăng bài: 15/01/2023

Người phản biện: TS. Ngô Thị Lam Giang

Thông tin tác giả:

LÊ CÔNG NÔNG, THÁI NGUYỄN QUỲNH THƯ, NGÔ THỊ THANH TRÚC, TRẦN THỊ PHƯƠNG NHUNG, PHẠM PHÚ THỊNH, NGUYỄN ĐOÀN HỮU TRÍ, NGUYỄN THỊ ÚT, TRẦN NGỌC THÔNG,
Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu